

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ SỨC MẠNH TỐC ĐỘ NHÓM ĐÒN ĐÁ TRƯỚC CỦA NỮ VẬN ĐỘNG VIÊN TAEKWONDO LỨA TUỔI 12-14 TẠI TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN VÀ THI ĐẤU THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Vũ Anh Tuấn⁽¹⁾; Nguyễn Anh Tú⁽²⁾; Lê Hoài Nam⁽³⁾

Tóm tắt:

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường được sử dụng trong lĩnh vực TDTT để lựa chọn 06 test đủ tiêu chuẩn để đánh giá trình độ sức mạnh tốc độ (SMTĐ) nhóm đòn đá trước của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14 tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội, trên cơ sở đó, tiến hành xây dựng tiêu chuẩn phân loại và bảng điểm đánh giá trình độ SMTĐ cho VĐV.

Từ khóa: tiêu chuẩn phân loại, bảng điểm, sức mạnh tốc độ, nhóm đòn đá trước, nữ VĐV Taekwondo, lứa tuổi 12-14.

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 18/02/2025

Ngày phản biện: 22/03/2025

Ngày đăng: 29/05/2025

Tác giả liên hệ: Vũ Anh Tuấn

Email: vuanhtuan@gmail.com

Building standards for assessing the strength and speed of front kicks for female Taekwondo athletes aged 12-14 at the Hanoi Sports Training and Competition Center

Vu Anh Tuan⁽¹⁾; Nguyen Anh Tu⁽²⁾; Le Hoai Nam⁽³⁾

Summary:

Using conventional scientific research methods, 06 qualified tests were selected to evaluate the strength and speed level of the front kick group for female Taekwondo athletes aged 12-14 at the Hanoi Sports Training and Competition Center. On that basis, a classification standard and score sheet were developed to evaluate the strength and speed level of the athletes.

Keywords: classification standards, scoreboard, speed strength, front kick group, female Taekwondo athletes, age group 12-14.

Article Information:

Received: 18/02/2025

Review date: 22/03/2025

Published: 29/05/2025

Corresponding Author:

Vu Anh Tuan

Email: vuanhtuan@gmail.com

ĐẶT VẤN ĐỀ

Taekwondo là một trong những môn thể thao mũi nhọn, của thể thao thành tích cao Việt Nam trên đấu trường khu vực, châu lục và thế giới và đã được xếp vào nhóm môn thể thao mũi nhọn trong Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam tới năm 2020 và tầm nhìn 2030 và được nhiều tỉnh thành đầu tư phát triển.

Trong huấn luyện nữ VĐV Taekwondo lứa

tuổi 12-14 tại Trung tâm HL&TD TDTT Hà Nội, việc phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn cho VĐV đã được các huấn luyện viên (HLV) đặc biệt quan tâm. Công tác huấn luyện đã được tiến hành theo kế hoạch huấn luyện năm được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với đối tượng. Tuy nhiên, hiệu quả phát triển SMTĐ nhóm đòn đá trước cho nữ VĐV chưa đạt được như mong đợi. Qua quan sát việc

⁽¹⁾ThS, Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội

⁽²⁾ThS, ⁽³⁾TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

thực hiện các đòn tấn công, nhất là các đòn đá trước của VĐV cho thấy lực và tốc độ đòn đá chưa đạt yêu cầu, VĐV thực hiện đòn đá với tốc độ chậm và lực yếu nên chưa đạt được hiệu quả cao trong tấn công. Xu hướng huấn luyện VĐV Taekwondo hiện đại thiên về các đòn tấn công nhanh, mạnh, biến hóa và có uy lực. Chính vì vậy, việc phát triển SMTĐ nhóm đòn đá trước cho nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14 tại Trung tâm HL&TĐ TDTT Hà Nội là cần thiết và cấp thiết. Và để có căn cứ khoa học phù hợp, tác động các giải pháp nâng cao huấn luyện SMTĐ cho VĐV thì đánh giá chính xác trình độ SMTĐ của VĐV nói chung và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá SMTĐ nói riêng cho VĐV nói riêng là vấn đề cần thiết và cấp thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi sử dụng các phương pháp: phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp phỏng vấn, phương pháp kiểm tra sự phạm và phương pháp toán học thống kê.

Khảo sát được tiến hành trên 20 nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14 tại Trung tâm HL&TĐ TDTT Hà Nội.

Khảo sát được tiến hành vào tháng 6/2021.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Lựa chọn test đánh giá sức mạnh tốc độ nhóm đòn đá trước của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14, Trung tâm HL&TĐ TDTT Hà Nội

1.1. Phỏng vấn lựa chọn test đánh giá trình độ SMTĐ nhóm đòn đá trước của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14 tại Trung tâm HL&TĐ TDTT Hà Nội

Qua nghiên cứu tổng hợp các tài liệu chuyên môn, quan sát thực tế và phỏng vấn trực tiếp các HLV, chúng tôi lựa chọn được 10 test đánh giá SMTĐ của VĐV.

Để lựa chọn được các test phù hợp nhất, chúng tôi tiến hành phỏng vấn các HLV, trọng tài, chuyên gia huấn luyện môn Taekwondo bằng phiếu hỏi. Số phiếu phát ra 35, thu về đủ 31 phiếu. Cách trả lời cụ thể: Rất quan trọng (3 điểm), quan trọng (2 điểm) và ít quan trọng (1 điểm). Chúng tôi sẽ lựa chọn những test đạt từ 70% tổng điểm tối trở lên để đánh giá SMTĐ

nhóm đòn đá trước của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14 tại Trung tâm HL&TĐ TDTT Hà Nội. Kết quả lựa chọn được 6 test đánh giá gồm:

Test 1. Đỉnh tấn đá trước (Ap chagi) chân sau vào đích 15s (lần)

Test 2. Đá vòng cầu (Dollyo chagi) 2 chân liên tục vào đích 15s (lần)

Test 3. Chân đeo bao chì 0.5kg, đá chẻ (Neyo chagi) 2 chân liên tục vào đích 15s (lần)

Test 4. Đá tổng ngang (Yob chagi) 2 đích đối diện cách 3m trong 20s (lần)

Test 5. Đạp trước (Mirro chagi) 2 chân liên tục vào đích 15s (lần)

Test 6. Đá tạt từ ngoài vào (An chagi) chân thuận trong 15s (lần)

1.2. Xác định tính thông báo của các test đánh giá trình độ SMTĐ nhóm đòn đá trước của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14 tại Trung tâm HL&TĐ TDTT Hà Nội

Để đảm bảo tính khoa học khi đưa các test vào ứng dụng, chúng tôi tiến hành xác định hệ số tương quan thứ bậc (Spearman) giữa kết quả kiểm tra của 06 test (được lựa chọn qua phỏng vấn) với thành tích thi đấu của các VĐV ở từng lứa tuổi (lứa tuổi 12 có 7 VĐV, lứa tuổi 13 có 6 VĐV và lứa tuổi 14 có 7 VĐV). Các VĐV được thi đấu vòng tròn 1 lượt tính điểm để xếp hạng. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: Cả 06 test đánh giá trình độ SMTĐ nhóm đòn đá trước của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12+14 đã được lựa chọn qua phỏng vấn và trên cả 03 đối tượng VĐV lứa tuổi 12, 13 và 14 đều có tính thông báo cao ($P < 0,05$).

Như vậy, cả 06 test trên đều có tính thông báo đủ đảm bảo yêu cầu thống kê được lựa chọn để tiếp tục nghiên cứu.

1.3. Xác định độ tin cậy của các test đánh giá trình độ SMTĐ nhóm đòn đá trước của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14 tại Trung tâm HL&TĐ TDTT Hà Nội

Sau khi xác định được 06 test đánh giá trình độ SMTĐ nhóm đòn đá trước của nữ VĐV lứa tuổi 12-14 tại Trung tâm HL&TĐ TDTT Hà Nội đảm bảo tính thông báo, chúng tôi tiếp tục xác định độ tin cậy của chúng bằng phương pháp test lặp lại cho cả 3 đối tượng: VĐV lứa tuổi 12, lứa tuổi 13 và lứa tuổi 14. Phương pháp và điều

Bảng 1. Hệ số tương quan giữa các test đánh giá SMTĐ nhóm đòn đá trước với thành tích thi đấu của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14, Trung tâm HL&TĐ TDTT Hà Nội (n=20)

TT	Nội dung	Kết quả					
		Lứa tuổi 12 (n=7)		Lứa tuổi 13 (n=6)		Lứa tuổi 14 (n=7)	
		r	P	r	P	r	P
1	Đỉnh tấn đá trước (Ap chagi) chân sau vào đích 15s (lần)	0.83	<0.05	0.85	<0.05	0.84	<0.05
2	Đá vòng cầu (Dollyo chagi) 2 chân liên tục vào đích 15s (lần)	0.84	<0.05	0.83	<0.05	0.83	<0.05
3	Chân đeo bao chì 0.5kg, đá chẻ (Neyo chagi) 2 chân liên tục vào đích 15s (lần)	0.82	<0.05	0.82	<0.05	0.85	<0.05
4	Đá tổng ngang (Yob chagi) 2 đích đối diện cách 3m trong 20s (lần)	0.81	<0.05	0.78	<0.05	0.879	<0.05
5	Đạp trước (Mirro chagi) 2 chân liên tục vào đích 15s (lần)	0.82	<0.05	0.81	<0.05	0.81	<0.05
6	Đá tạt từ ngoài vào (An chagi) chân thuận trong 15s (lần)	0.76	<0.05	0.80	<0.05	0.83	<0.05

kiện lập test như nhau ở cả 2 lần lập test. Thời gian thực hiện test lặp lại được tiến hành cách nhau 07 ngày và đảm bảo sao cho ở lần lập test thứ hai các điều kiện lập test giống như lần thứ nhất. Độ tin cậy được xác định bằng phương

pháp tính hệ số tương quan cặp giữa 2 lần lập test của 06 chỉ tiêu ở cả 3 nhóm đối tượng được trình bày tại bảng 2.

Kết quả bảng 2 cho thấy cả 06 chỉ tiêu kiểm tra đều có mối tương quan mạnh. ($r = 0,80$ đến

Bảng 2. Hệ số tương quan giữa hai lần lập test của các test đánh giá SMTĐ nhóm đòn đá trước của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14, Trung tâm HL&TĐ TDTT Hà Nội (n=20)

Test	Lứa tuổi 12 (n=7)			Lứa tuổi 13 (n=6)			Lứa tuổi 14 (n=7)		
	Lần 1 ($\bar{x} \pm \delta$)	Lần 2 ($\bar{x} \pm \delta$)	r	Lần 1 ($\bar{x} \pm \delta$)	Lần 2 ($\bar{x} \pm \delta$)	r	Lần 1 ($\bar{x} \pm \delta$)	Lần 2 ($\bar{x} \pm \delta$)	r
Test 1	18.3 $\pm$ 2.01	18.5 $\pm$ 1.98	0.83	20.2 $\pm$ 1.85	20.6 $\pm$ 1.79	0.84	22.1 $\pm$ 1.97	22.4 $\pm$ 1.83	0.82
Test 2	30.6 $\pm$ 2.53	30.3 $\pm$ 2.65	0.82	32.8 $\pm$ 2.68	32.4 $\pm$ 2.05	0.82	34.5 $\pm$ 2.58	34.8 $\pm$ 2.49	0.83
Test 3	12.4 $\pm$ 1.06	12.6 $\pm$ 1.12	0.80	13.4 $\pm$ 1.21	13.2 $\pm$ 1.12	0.85	14.3 $\pm$ 1.26	14.1 $\pm$ 1.23	0.82
Test 4	16.3 $\pm$ 1.61	16.2 $\pm$ 1.57	0.85	17.6 $\pm$ 1.63	17.4 $\pm$ 1.51	0.83	18.2 $\pm$ 1.73	18.5 $\pm$ 1.69	0.84
Test 5	28.7 $\pm$ 2.78	28.5 $\pm$ 2.68	0.84	30.1 $\pm$ 2.91	30.5 $\pm$ 2.48	0.80	32.4 $\pm$ 2.97	32.2 $\pm$ 2.91	0.83
Test 6	18.5 $\pm$ 2.02	18.2 $\pm$ 2.12	0.82	20 $\pm$ 2.03	20.8 $\pm$ 1.86	0.81	22.2 $\pm$ 1.95	22.6 $\pm$ 1.39	0.82

0,85 > 0,80) ở cả 3 đối tượng: VĐV lứa tuổi 12, lứa tuổi 13 và lứa tuổi 14. Như vậy các test đảm bảo độ tin cậy và cho phép sử dụng để đánh giá trình độ SMTĐ nhóm đòn đá trước của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14 tại Trung tâm HL&TĐ TDTT Hà Nội.

2. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá SMTĐ nhóm đòn đá trước của nữ VĐV Taekwondo

Bảng 3. So sánh sự khác biệt kết quả kiểm tra SMTĐ nhóm đòn đá trước của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14 theo từng nhóm tuổi

TT	Test	Lứa tuổi 12 ($\bar{x} \pm \delta$)	Lứa tuổi 13 ($\bar{x} \pm \delta$)	Lứa tuổi 14 ($\bar{x} \pm \delta$)	So sánh		
					t ₁₋₂	t ₂₋₃	t ₁₋₃
1	Đỉnh tấn đá trước (Ap chagi) chân sau vào đích 15s (lần)	18.3 ±2.01	20.2 ±1.85	22.1±1.97	2.35*	3.12*	2.25*
2	Đá vòng cầu (Dollyo chagi) 2 chân liên tục vào đích 15s (lần)	30.6 ±2.53	32.8 ±2.68	34.5±2.58	2.47*	3.08*	2.39*
3	Chân đeo bao chì 0.5kg, đá chẻ (Neyo chagi) 2 chân liên tục vào đích 15s (lần)	12.4 ±1.06	13.4 ±1.21	14.3±1.26	2.36*	3.21*	2.34*
4	Đá tổng ngang (Yob chagi) 2 đích đối diện cách 3m trong 20s (lần)	16.3 ±1.61	17.6 ±1.63	18.2±1.73	2.25*	3.22*	2.29*
5	Đạp trước (Mirro chagi) 2 chân liên tục vào đích 15s (lần)	28.7 ±2.78	30.1±2.91	32.4±2.97	2.39*	3.16*	2.36*
6	Đá tạt từ ngoài vào (An chagi) chân thuận trong 15s (lần)	18.5±2.02	20 ±2.03	22.2±1.95	2.28*	3.30*	2.33*

Ghi chú: * tương đương P<0.05

Qua bảng 3 cho thấy: Kết quả so sánh giá trị trung bình SMTĐ của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14 tại Trung tâm HL&TĐ TDTT Hà Nội có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (P<0.05), vì vậy khi xây dựng tiêu chuẩn phân loại và bảng điểm cho VĐV cần xây dựng tiêu chuẩn riêng cho từng lứa tuổi.

lứa tuổi 12-14, Trung tâm HL&TĐ TDTT Hà Nội

2.1. So sánh sự khác biệt thành tích của VĐV các nhóm tuổi

Tiến hành so sánh sự khác biệt kết quả kiểm tra SMTĐ của VĐV các nhóm tuổi làm căn cứ xây dựng tiêu chuẩn phân loại SMTĐ cho VĐV. Kết quả được trình bày tại bảng 3.

2.2. Xây dựng tiêu chuẩn phân loại và bảng điểm đánh giá SMTĐ cho VĐV

Tiến hành xây dựng tiêu chuẩn phân loại đánh giá SMTĐ cho VĐV trên cơ sở quy tắc 2δ và xây dựng thang điểm đánh giá SMTĐ cho VĐV theo thang độ C. Kết quả được trình bày tại bảng 4 và bảng 5.

Bảng 4. Tiêu chuẩn phân loại đánh giá SMTĐ nhóm đòn đá trước của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14 Trung tâm HL&TĐ TDTT Hà Nội

TT	Test	Lứa tuổi	Phân loại				
			Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
1	Đỉnh tấn đá trước (Ap chagi) chân sau vào đích 15s (lần)	12	≥ 22.33	20.31-22.32	16.29-20.30	14.28-16.29	≤ 14.27
		13	≥ 23.91	22.05-23.9	18.35-22.04	16.5-18.35	≤ 16.49
		14	≥ 26.05	24.07-26.04	20.13-24.06	18.16-20.13	≤ 18.15
2	Đá vòng cầu (Dollyo chagi) 2 chân liên tục vào đích 15s (lần)	12	≥ 35.67	33.13-35.66	28.07-33.12	25.54-28.07	≤ 25.53
		13	≥ 38.17	35.48-38.16	30.12-35.47	27.44-30.12	≤ 27.43
		14	≥ 39.67	37.08-39.66	31.92-37.07	29.34-31.92	≤ 29.33
3	Chân đeo bao chì 0.5kg, đá chẻ (Neyo chagi) 2 chân liên tục vào đích 15s (lần)	12	≥ 14.53	13.46-14.52	11.34-13.45	10.28-11.34	≤ 10.27
		13	≥ 15.83	14.61-15.82	12.19-14.60	10.98-12.19	≤ 10.97
		14	≥ 16.83	15.56-16.82	13.04-15.55	11.78-13.04	≤ 11.77
4	Đá tổng ngang (Yob chagi) 2 đích đối diện cách 3m trong 20s (lần)	12	≥ 19.53	17.91-19.52	14.69-17.90	13.08-14.69	≤ 13.07
		13	≥ 20.87	19.23-20.86	15.97-19.22	14.34-15.97	≤ 14.33
		14	≥ 21.67	19.93-21.66	16.47-19.92	14.74-16.47	≤ 14.73
5	Đạp trước (Mirro chagi) 2 chân liên tục vào đích 15s (lần)	12	≥ 34.27	31.48-34.26	25.92-31.47	23.14-25.92	≤ 23.13
		13	≥ 35.93	33.01-35.92	27.19-33.00	24.28-27.19	≤ 24.27
		14	≥ 38.35	35.37-38.34	29.43-35.36	26.46-29.43	≤ 26.45
6	Đá tạt từ ngoài vào (An chagi) chân thuận trong 15s (lần)	12	≥ 22.55	20.52-22.54	16.48-20.51	14.46-16.48	≤ 14.45
		13	≥ 24.07	22.03-24.06	17.97-22.02	15.94-17.97	≤ 15.93
		14	≥ 26.11	24.15-26.1	20.25-24.14	18.3-20.25	≤ 18.29

Bảng 4 và bảng 5 trình bày tiêu chuẩn phân loại và tính điểm SMTĐ của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14 theo từng test kiểm tra. Để sử dụng bảng 4 và bảng 5 cần chú ý qui trình:

Tiến hành lập test theo quy định; Đối chiếu thành tích và lứa tuổi tương ứng để xác định kết quả đạt được.

Ghi chú: Với những thành tích trùng nhau cho 2 mức, VĐV sẽ được tính mức điểm cao hơn.

Bảng 4 và bảng 5 rất thuận tiện cho việc xếp loại và tính điểm VĐV theo từng test kiểm tra nhưng chưa phù hợp cho việc đánh giá tổng hợp trình độ SMTĐ của VĐV. Để khắc phục vấn đề

này, chúng tôi tiến hành quy điểm tổng hợp SMTĐ của VĐV theo từng mức phân loại. Kết quả được trình bày tại bảng 6.

Thông qua bảng 6, chúng ta dễ dàng đánh giá tổng hợp trình độ SMTĐ của VĐV sau khi lập test và phân loại điểm VĐV.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu lựa chọn được 6 test đánh giá SMTĐ nhóm đòn đá trước của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT Hà Nội. Tiến hành so sánh sự khác biệt thành tích của VĐV thuộc các nhóm tuổi, trên cơ sở đó, xây dựng

Bảng 5. Bảng điểm đánh giá SMTĐ nhóm đòn đá trước của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14 Trung tâm HL&TĐ TDTT Hà Nội

T T	Test	Lứa tuổi	Thang điểm									
			10	9	8	7	6	5	4	3	2	1
1	Đỉnh tấn đá trước (Ap chagi) chân sau vào đích 15s (lần)	12	23	22	21	20	19	18	17	16	15	14
		13	25	24	23	22	21	20	19	18	17	17
		14	27	26	25	24	23	22	21	20	19	18
2	Đá vòng cầu (Dollyo chagi) 2 chân liên tục vào đích 15s (lần)	12	37	36	34	33	32	31	29	28	27	26
		13	40	38	37	35	34	33	31	30	29	27
		14	41	40	38	37	36	35	33	32	31	29
3	Chân đeo bao chì 0.5kg, đá chẻ (Neyo chagi) 2 chân liên tục vào đích 15s (lần)	12	15	15	14	13	13	12	12	11	11	10
		13	16	16	15	15	14	13	13	12	12	11
		14	17	17	16	16	15	14	14	13	12	12
4	Đá tổng ngang (Yob chagi) 2 đích đối diện cách 3m trong 20s (lần)	12	20	20	19	18	17	16	15	15	14	13
		13	22	21	20	19	18	18	17	16	15	14
		14	23	22	21	20	19	18	17	16	16	15
5	Đạp trước (Mirro chagi) 2 chân liên tục vào đích 15s (lần)	12	36	34	33	31	30	29	27	26	25	23
		13	37	36	34	33	32	30	29	27	26	24
		14	40	38	37	35	34	32	31	29	28	26
6	Đá tạt từ ngoài vào (An chagi) chân thuận trong 15s (lần)	12	24	23	22	21	20	19	17	16	15	14
		13	25	24	23	22	21	20	19	18	17	16
		14	27	26	25	24	23	22	21	20	19	18

Bảng 6. Bảng điểm tổng hợp đánh giá SMTĐ nhóm đòn đá trước của nữ VĐV Taekwondo lứa tuổi 12-14 Trung tâm HL&TĐ TDTT Hà Nội

TT	Lứa tuổi	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
1	Lứa tuổi 12	≥54	42-53	30-41	19-29	≤18
2	Lứa tuổi 13	≥54	42-53	30-41	19-29	≤18
3	Lứa tuổi 14	≥54	42-53	30-41	19-29	≤18

được bảng tiêu chuẩn phân loại, bảng điểm và bảng điểm tổng hợp đánh giá SMTĐ riêng cho VĐV lứa tuổi 12, lứa tuổi 13 và lứa tuổi 14.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aulic I. V (1982), *Đánh giá trình độ tập luyện thể thao*, (Phạm Ngọc Trâm dịch), NXB TDTT, Hà Nội.
2. Daxuroroxki V. M (1978), *Các tố chất thể lực của vận động viên*, Nxb TDTT, Hà Nội.

3. Diệp Lai, Chu Ngũ Nhất, Lý Duy Cao (1997), *Taekwondo*, Nxb TDTT, Hà Nội.

4. Nguyễn Đức Văn (2000), *Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

5. Zuico I. G (1975), *Test sự phạm đánh giá trình độ thể lực tuổi 13 - 14*, (dịch: Đoàn Trung Hiếu), Nxb TDTT, Hà Nội.

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

3. Nguyễn Thị Thu Quyết

Nhiệm vụ và giải pháp phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

BÀI BÁO KHOA HỌC

7. Nguyễn Tuấn Đăng; Vũ Tiến Thành

Giải pháp phát triển phong trào tập luyện Cầu lông ngoại khóa nâng cao thể lực cho học sinh Trường Trung học cơ sở Trang Hạ, Từ Sơn, Bắc Ninh

15. Đỗ Xuân Đoàn, Lý Đức Trường

Thực trạng công tác phát triển thể lực cho học viên quân sự Lào tại Trường sĩ quan Lục quân 1

21. Trần Quân; Nguyễn Đức Toàn

Nghiên cứu thực trạng sức mạnh tốc độ đòn tay của nam vận động viên Muay lữa tuổi 14-15 tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao Công an nhân dân

25. Sun Thea, Đậu Thị Lợi; Đỗ Thùy Giang

Nghiên cứu lựa chọn bài tập thúc đẩy quá trình hồi phục tích cực sau tập luyện cho nam vận động viên Bóng đá U13, Trung tâm đào tạo Bóng đá Quốc gia Tonle Bati, Campuchia

31. Vũ Anh Tuấn; Nguyễn Anh Tú; Lê Hoài Nam

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh tốc độ nhóm đòn đá trước cho nữ vận động viên Taekwondo lứa tuổi 12-14 tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục thể thao Hà Nội

37. Nguyễn Danh Bắc; Nguyễn Xuân Thành

Thực trạng sử dụng các kỹ thuật đánh bóng của nam vận động viên Quần vợt lứa tuổi 14 -16

41. Nguyễn Thị Thu Quyết; Phạm Tuấn Dũng; Nguyễn Tất Dũng

Thực trạng sức khỏe tâm thần của sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh theo đặc điểm giới tính

45. Nguyễn Đức Doanh; Lê Cảnh Khôi

Định hướng nghiên cứu khoa học phục vụ hoạt động dạy học môn Tâm lý học Thể dục thể thao tại Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

49. Phùng Hoài Nam; Nguyễn Cẩm Ninh

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác phát triển thể lực cho sinh viên Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia

57. Phạm Hữu Thật

Ứng dụng và đánh giá hiệu quả các bài tập phát triển khả năng linh hoạt cho võ sinh Vovinam lứa tuổi Trung học cơ sở tại quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

63. Nguyễn Thanh Tùng; Nguyễn Trường Giang; Nguyễn Ngọc Sơn

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên

69. Huỳnh Thị Thủy Uyên; Nguyễn Thái Huy Vũ

Động cơ và đánh giá của người tham gia hoạt động du lịch thể thao biển tại Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

74. Nguyễn Văn Ảnh; Đinh Quang Ngọc; Đinh Khánh Thu; Nguyễn Hải Bằng

Thực trạng tập luyện thể dục thể thao thường xuyên của các nhóm đối tượng người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

80. Ngô Hải Hưng

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới truyền thông thương hiệu Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh trên các kênh mạng xã hội

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

3. Nguyen Thi Thu Quyet

Tasks and solutions for developing high-performance sports and professional sports by 2030, with a vision to 2045

ARTICLES

7. Nguyen Tuan Dang; Vu Tien Thanh

Solution to develop extracurricular badminton training movement to improve physical fitness for students of Trang Ha Secondary School, Tu Son, Bac Ninh

15. Do Xuan Doan, Ly Duc Truong

Current status of physical development for Lao military students at Army Officer School 1

21. Tran Quan; Nguyen Duc Toan

Research on the current status of arm strength and speed of male Muay athletes aged 14-15 at the People's Public Security Sports Training and Competition Center

25. Sun Thea, Dau Thi Loi; Do Thuy Giang

Study on selecting exercises to promote active recovery after training for male U13 football athletes, Tonle Bati National Football Training Center, Cambodia

31. Vu Anh Tuan; Nguyen Anh Tu; Le Hoai Nam

Building standards for assessing the strength and speed of front kicks for female Taekwondo athletes aged 12-14 at the Hanoi Sports Training and Competition Center

37. Nguyen Danh Bac; Nguyen Xuan Thanh

Current status of using hitting techniques of male tennis players aged 14-16

41. Nguyen Thi Thu Quyet; Pham Tuan Dung; Nguyen Tat Dung

Mental health status of students at Bac Ninh Sport University according to gender characteristics

45. Nguyen Duc Doanh; Le Canh Khoi

Orientation of scientific research to serve teaching activities of Sports Psychology at Bac Ninh Sports University

49. Phung Hoai Nam; Nguyen Cam Ninh

Current status of factors affecting physical development of students at the University of Education - National University

57. Pham Huu That

Application and evaluation of the effectiveness of flexibility development exercises for Vovinam students of secondary school age in Lien Chieu District, Da Nang City

63. Nguyen Thanh Tung; Nguyen Truong Giang; Nguyen Ngoc Son

Current status of factors affecting extracurricular sports activities of students at Thai Nguyen University of agriculture and forestry

69. Huynh Thi Thuy Uyen; Nguyen Thai Huy Vu

A study on the motivation and evaluation of participants in marine sports tourism activities in Nhatrang city, Khanhhoa province

74. Nguyen Van Anh; Dinh Quang Ngoc; Dinh Khanh Thu; Nguyen Hai Bang

Current situation of regular physical exercise and sports practice among different population groups in bac ninh province

80. Ngo Hai Hung

Current status of factors affecting the brand communication of bac ninh sports University on social networking channels



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

p-ISSN 1859-4417
e-ISSN 3030-4822

Số 3 - 2025
(07)

